

Số: /2026/QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức công nhận đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định hạn mức công nhận đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 139 và khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15 về hạn mức công nhận đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có một trong các loại giấy tờ về

quyền sử đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai tại tỉnh Tuyên Quang.

b) Hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc công nhận đất nông nghiệp, công nhận đất ở nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hạn mức công nhận đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh do tự khai hoang, không có tranh chấp thì hạn mức công nhận đất nông nghiệp được xác định như sau:

1. Không quá 02 ha cho mỗi loại đất:

a) Đất trồng cây hằng năm.

b) Đất nuôi trồng thủy sản.

2. Không quá 30 ha cho mỗi loại đất:

a) Đất trồng cây lâu năm.

b) Đất rừng sản xuất là rừng trồng.

Điều 3. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật số 31/2024/QH15 mà trên giấy tờ đó có thể hiện mục đích sử dụng để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư thì hạn mức đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định như sau:

1. Hộ gia đình có từ 01 đến 04 nhân khẩu:

a) Đối với đất ở tại đô thị: Hạn mức đất ở được công nhận cho mỗi hộ gia đình tại địa bàn phường không quá 120,0 m².

b) Đối với đất ở tại nông thôn tại các vị trí đất tiếp giáp với trục đường giao thông chính (đường quốc lộ, tỉnh lộ); đất tại khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, khu trung tâm xã hoặc cụm xã theo quy hoạch được cơ quan

nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: Hạn mức đất ở được công nhận cho mỗi hộ gia đình không quá 200,0 m².

c) Đối với đất ở tại nông thôn không thuộc các vị trí quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Hạn mức đất ở được công nhận cho mỗi hộ gia đình không quá 400,0 m².

2. Hộ gia đình có trên 04 nhân khẩu thì từ nhân khẩu thứ năm trở lên cứ mỗi khẩu tăng thêm được tính thêm diện tích đất ở bằng 1/4 (một phần tư) hạn mức công nhận đất ở tương ứng trong khu vực quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng tại Điều 3 Quyết định này sử dụng đất tại địa bàn các xã, phường được sáp nhập từ các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Hà Giang theo Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được tiếp nhận hồ sơ hợp lệ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nhưng đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu đủ điều kiện thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục giải quyết theo quy định. Hạn mức đất ở đối với trường hợp này được công nhận theo quy định điểm a, điểm c khoản 1; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định hạn mức công nhận đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang; hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; hạn

mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

c) Bãi bỏ Điều 2 Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất; diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 7;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh - truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN (Chính).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN